

CHƯƠNG 2 HỐI ĐOÁI

Giảng viên: Trần Thạch Uyên Vy
Khoa: Tài Chính – Kế Toán – Ngân hàng
Mail: ttuyv@upt.edu.vn

1

NỘI DUNG

I. Tỷ giá hối đoái


II. Thị trường hối đoái

2

I. TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

- 1 Khái niệm
- 2 Cơ sở xác định tỷ giá hối đoái
- 3 Phương pháp yết giá
- 4 Một số quy ước trong giao dịch hối đoái
- 5 Các loại tỷ giá hối đoái thông dụng
- 6 Phương pháp tính tỷ giá chéo
- 7 Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái
- 8 Biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái

3

Phân biệt ngoại tệ và ngoại hối 

Ngoại tệ	Ngoại hối
<ul style="list-style-type: none"> • Đồng tiền của các quốc gia lưu thông trên thị trường quốc tế. • Vd ở Việt Nam: USD, GBP, EUR, JPY... là ngoại tệ. 	<ul style="list-style-type: none"> • Bao gồm ngoại tệ, kim khí quý, đá quý và các phương tiện có giá trị như ngoại tệ được sử dụng trong thanh toán giữa các nước với nhau.

4

Phân biệt ngoại tệ và ngoại hối

• Khoản 1, điều 4, pháp lệnh quản lý ngoại hối được QH thông qua ngày 13/12/2005, có hiệu lực từ ngày 1/1/2006, ngoại hối bao gồm:

1. Ngoại tệ
2. Các phương tiện TTQT có giá ghi bằng ngoại tệ gồm séc, thẻ thanh toán, hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ và các phương tiện thanh toán khác.
3. Các giấy tờ có giá ghi bằng ngoại tệ gồm trái phiếu CP, trái phiếu công ty, kỳ phiếu, cổ phiếu và các giấy tờ có giá khác.
4. Vàng, bạc, kim cương, đá quý...
5. Đồng nội tệ được sử dụng trong TTQT hoặc được chuyển ra hay chuyển vào lãnh thổ của quốc gia đó.

5

1. Khái niệm

• Tỷ giá hối đoái là sự so sánh mối tương quan giá trị giữa 2 đồng tiền với nhau. Tỷ giá hối đoái là giá cả của một đơn vị tiền tệ nước này thể hiện bằng số lượng đơn vị tiền tệ nước khác.

• Ví dụ: Ngày xx/xx/20xx, ta có thông tin:

1 Đô la Mỹ (USD) = 110.6072 Yên Nhật (JPY)

1 Bảng Anh (GBP) = 1.2874 Đô la Mỹ (USD)

6

2. Cơ sở xác định tỷ giá hối đoái



Chế độ bản vị vàng

- Tỷ giá hối đoái giữa hai đồng tiền được xác định trên cơ sở so sánh hàm lượng vàng giữa hai đồng tiền với nhau, còn gọi là ngang giá vàng hay đồng giá vàng.
 - Từ thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20:
 - 1 GBP có hàm lượng vàng là 7.32g vàng
 - 1 USD có hàm lượng vàng là 1.50463g vàng
 - 1 FRF có hàm lượng vàng là 0.32258g vàng
- Dựa vào nguyên lý đồng giá vàng, ngang giá vàng thì tỷ giá giữa GBP và USD được xác định là :
- 1 GBP = $7.32/1.50463 = 4.8650$ USD
 → GBP/USD = 4.8650
- 1 USD = $1.50463/0.32258 = 4.6644$ FRF
 → USD/FRF = 4.6644

Hệ thống tiền tệ Bretton Woods

- Hội nghị Bretton Woods :
 - Ảnh hưởng của chiến tranh thế giới lần thứ hai 1939-1945, tình hình tài chính tiền tệ của các nước TBCN hỗn loạn .
 - 1944, Mỹ , Anh và một số nước đồng minh của họ đã họp tại Bretton Woods, 44 quốc gia tham dự hội nghị đã đi đến thỏa thuận:
 - Thành lập Quỹ Tiền tệ Quốc tế [IMF](#)
 - Ngân hàng thế giới [WB](#)
 - Hình thành hệ thống tỷ giá hối đoái Bretton Woods

Hệ thống tiền tệ Bretton Woods

- USD được đưa lên vị trí hàng đầu trong hệ thống tiền tệ thế giới, ngang với vàng.
- Tỷ giá hối đoái chính thức của các nước được hình thành trên cơ sở so sánh với hàm lượng vàng chính thức của đô la Mỹ (lúc đó là 0.888671gr ~ 35 USD/ounce), trên cơ sở đó xác định tỷ giá giữa các đồng tiền với nhau.
- Tỷ giá hối đoái của các nước không được phép biến động quá 1% của tỷ giá chính thức đã đăng ký tại IMF.

10

Hệ thống tiền tệ Bretton Woods

- Ngân hàng TW của các nước có nghĩa vụ can thiệp vào thị trường để duy trì tỷ giá ở mức biến động cho phép.
- Việc thay đổi tỷ giá chính thức chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của IMF.
- Năm 1973, IMF chính thức hủy bỏ cơ chế tỷ giá Bretton Woods.

11

Chế độ tiền tệ ngày nay (từ năm 1973):

- Cơ sở hình thành tỷ giá hối đoái là ngang giá sức mua, hay đồng giá sức mua (purchasing power parity – PPP)
- Ví dụ: một loại hàng hóa A
- Ở Mỹ có giá 150,000USD
- Ở Anh có giá 100,000 GBP
- Thì ngang giá sức mua của GBP/USD = 1.5
- Đây là cơ sở để hình thành nên tỷ giá hối đoái

12

a) Tỷ giá cố định

- Tỷ giá cố định (Fixed Exchange rate): là tỷ giá không biến động thường xuyên, không phụ thuộc vào quy luật cung cầu, phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của chính phủ (103 nước).

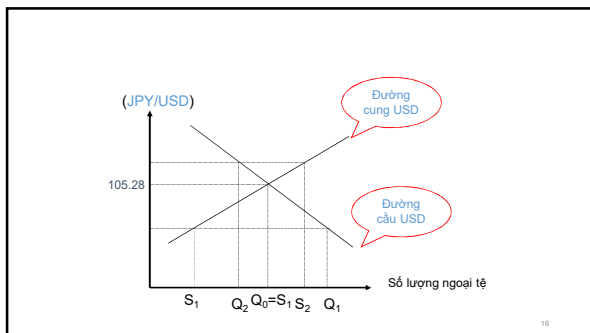
13



b) Tỷ giá thả nổi

- Tỷ giá thả nổi tự do (Freely Floating Exchange rate): Tỷ giá thả nổi tự do là cơ chế tỷ giá mà theo đó giá cả ngoại tệ sẽ do cung cầu quyết định và không có sự can thiệp của chính phủ (hoặc can thiệp thông qua các công cụ tài chính tiền tệ). (40 nước)

14





c) Tỷ giá thả nổi có quản lý

Tỷ giá thả nổi có quản lý (Managed Float exchange rate) là tỷ giá thả nổi nhưng có sự can thiệp của chính phủ.

Chính phủ ((NHTW) sử dụng các công cụ tài chính tiền tệ hoặc công cụ hành chính để tác động lên tỷ giá hối đoái phục vụ cho chiến lược chung của nước mình. (43 nước)

d) Tỷ giá thả nổi tập thể

Tỷ giá thả nổi tập thể: Một số nước tập hợp trong một khối tiền tệ thống nhất để ổn định tỷ giá giữa họ với nhau hay còn gọi là "rổ tiền tệ". Ngày 01/01/1999, Euro chính thức ra đời với đầy đủ tư cách của một đồng tiền thực, chung và duy nhất cho cả khối EU-12.

19

- Việt Nam áp dụng chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý.
- Từ ngày 04/01/2016, Việt Nam thực hiện cơ chế tỷ giá trung tâm, theo đó NHNN công bố tỷ giá trung tâm hàng ngày với biên độ +/-3%, bám sát diễn biến trên thị trường trong nước và quốc tế.

20



3. Phương pháp yết giá

Nguyên tắc yết giá:

1 đồng tiền yết giá = x đồng tiền định giá

Đồng tiền yết giá:
Đồng tiền được thể hiện giá trị của nó qua 1 đồng tiền khác

Đồng tiền định giá:
Đồng tiền được sử dụng để xác định giá trị của đồng tiền yết giá

Ví dụ: 1 USD = 23,255.814 VND, có nghĩa là 1 USD có giá trị 23,255.814 VND.

BÀI TẬP

Ghi vào cột tương ứng xem đồng tiền nào là đồng tiền yết giá, đồng tiền nào là đồng tiền định giá:

Yết giá	Đồng tiền yết giá	Đồng tiền định giá
USD/VND: 23,210 – 23,250		
GBP/USD: 1.3056 – 1.3078		
EUR/USD: 1.2815 – 1.2818		
AUD/USD: 0.7481 – 0.7486		
USD/JPY: 106.68 – 106.73		

3. Phương pháp yết giá

Yết giá trực tiếp

1 ngoại tệ = x nội tệ

Áp dụng ở nhiều quốc gia: Nhật, Thái Lan, Hàn Quốc, Singapore, Việt Nam...

Ví dụ: ngày 15/2/2019, tại Ngân Hàng Vietcombank niêm yết tỷ giá bán 1USD = 23,250 VND

Yết giá gián tiếp

1 nội tệ = y ngoại tệ

Áp dụng ở một số nước: Anh, Mỹ, Úc, EU, Newzeland...

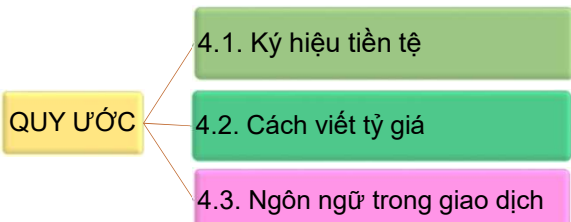
Ví dụ: Ở Anh ngày 15/2/2019, niêm yết tỷ giá bán 1 GBP = 1.2891 USD

BÀI TẬP

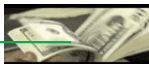
Chỉ ra tỷ giá hối đoái nào là yết giá trực tiếp, cái nào là yết giá gián tiếp

Yết giá	Trực tiếp	Gián tiếp
USD/VND: 23,210 – 23,250 ở TP.HCM		
GBP/USD: 1.3056 – 1.3078 ở London		
EUR/USD: 1.2815 – 1.2818 ở Frankfurt		
AUD/USD: 0.7481 – 0.7486 ở Sydney		
USD/JPY: 106.68 – 106.73 ở Tokyo		

4. Một số quy ước trong giao dịch hối đoái



4.1. Ký hiệu tiền tệ



- Ký hiệu tiền tệ gồm 3 ký tự: **XXX**
- Hai ký tự đầu là tên quốc gia, Ký tự cuối là tên đồng tiền
- Ví dụ: **USD** – United States Dollar, **VND** – Vietnamese Dong, **GBP** – Great Britain Pound, **JPY** – Japanese Yen, **THB** – Thailand Baht.
- Tham khảo Website:

www.exchangerate.com ,	www.yahoo.com/finance ,
www.forexdirectory.net ,	www.saxobank.com ,
www.forex.com ,	www.forexnews.com ,
www.forexpoint.com ,	www.info-forex.com ,
www.netdania.com ,	www.sbv.gov.vn .

4.2. Cách viết tỷ giá

- $1A = xB$ hoặc $A/B = x$
- Ví dụ: $1\text{USD} = 110.4972\text{JPY}$
hoặc $\text{USD}/\text{JPY} = 110.4972$

28

4.3. Ngôn ngữ trong giao dịch hối đoái quốc tế

- Vì lý do nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm, tỷ giá thường được đọc những con số có ý nghĩa.
- Các con số đằng sau dấu phẩy được đọc theo nhóm hai số. Hai số thập phân đầu tiên được gọi là "số" (figure), hai số kế tiếp gọi là "điểm" (point).
- Tỷ giá mua và tỷ giá bán có khoảng chênh lệch (Spread), thông thường vào khoảng 5 đến 20 điểm.
- VD: $1\text{USD} = 1.3060\text{CHF}$ đọc là: Dollar – Zurich "một, ba mươi, sáu mươi"

29

Tỷ giá mua (bid rate) – Tỷ giá bán (ask rate)

Tỷ giá	BID	---	ASK
<u>USD/CHF</u>	1.2350		1.2360
	MUA USD		BÁN USD
	BÁN CHF		MUA CHF

Lưu ý:

- Số nhỏ là giá mua đồng tiền yết giá (USD) và là giá bán đồng tiền định giá (CHF).
- Số lớn là giá bán đồng tiền yết giá (USD) và là giá mua đồng tiền định giá (CHF).
- Giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán có một khoảng chênh lệch gọi là spread.

30

Tỷ giá các ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

MS NT	Tên ngoại tệ	Mua tiền mặt	Mua chuyển khoản	Bán
AUD	AUST.DOLLAR	16,263.77	16,361.94	16,540.63
CAD	CANADIAN DOLLAR	17,275.95	17,432.85	17,623.23
CHF	SWISS FRANCE	22,877.32	23,038.59	23,336.82
DKK	DANISH KRONE	-	3,471.99	3,580.82
EUR	EURO	26,106.52	26,185.08	26,839.16
GBP	BRITISH POUND	29,897.92	30,108.68	30,376.68
HKD	HONGKONG DOLLAR	2,915.11	2,935.66	2,979.61
INR	INDIAN RUPEE	-	325.22	337.98
JPY	JAPANESE YEN	202.56	204.61	210.54
KRW	SOUTH KOREAN WON	19.19	20.20	21.05
KWD	KUWAITI DINAR	-	76,339.24	79,334.57
MYR	MALAYSIAN RINGGIT	-	5,650.98	5,724.13
NOK	NORWEGIAN KRONER	-	2,649.00	2,732.03
RUB	RUSSIAN RUBLE	-	352.75	393.07
SAR	SAUDI RIAL	-	6,174.48	6,416.75
SEK	SWEDISH KRONA	-	2,447.46	2,509.08
SGD	SINGAPORE DOLLAR	16,921.08	17,040.36	17,226.46
THB	THAI BAHT	727.84	727.84	758.20
USD	US DOLLAR	23,165.00	23,165.00	23,265.00

Tỷ giá được cập nhật từ: 31/03/2019 15:45 và chỉ mang tính chất tham khảo.

Tỷ giá mua (bid rate) – Tỷ giá bán (ask rate)

Megabank đang niêm yết trên hệ thống Reuter dealing system như sau:

GBP/USD: 1.3880 – 85 USD/CHF: 0.9426 – 30
 USD/JPY: 107.1880 – 98 EUR/USD: 1.2210 – 20

Megabank sẽ chào mức giá nào với đồng tiền đối ứng USD nếu:

- Megabank bán CHF?
- Megabank mua JPY?
- Megabank mua GBP?
- Megabank bán EUR?

32

Tỷ giá mua (bid rate) – Tỷ giá bán (ask rate)

Korean Exchange Bank (KEB) muốn giao dịch trên GBP/CHF và đã nhận được báo giá từ 4 ngân hàng trên Interbank như sau:

NHA: GBP/CHF: 1.3109 – 15
 NHB: GBP/CHF: 1.3110 – 16
 NHC: GBP/CHF: 1.3114 – 18
 NHD: GBP/CHF: 1.3108 – 13

- Giá nào là tốt nhất nếu KEB muốn bán GBP?
- Giá nào là tốt nhất nếu KEB muốn bán CHF?

33

BÀI TẬP

Safaco cần mua 1,500 USD và 20,000 JPY. Biết tỷ giá USD/VND = 20,000 – 100, JPY/VND = 250 – 256.

- Số tiền VND Safaco phải trả để có số ngoại tệ trên?

34

BÀI TẬP

Safaco cần bán 1,500 USD và 20,000 JPY. Biết tỷ giá USD/VND = 20,000 – 100, JPY/VND = 250 – 56.

- Số tiền VND Safaco thu về khi bán số ngoại tệ trên?

35

Tỷ giá mua (bid rate) – Tỷ giá bán (ask rate)

- Ngày 3/1/201x các ngân hàng công bố tỷ giá USD/CHF như sau:

Ngân hàng A: USD/CHF = 0.9420 – 24

Ngân hàng B: USD/CHF = 0.9424 – 27

Ngân hàng C: USD/CHF = 0.9425 – 28

Ngân hàng D: USD/CHF = 0.9422 – 25

- Nếu doanh nghiệp bạn cần mua 500,000 CHF thanh toán bằng USD, DN sẽ quyết định chọn ngân hàng nào? Tính lượng USD mà doanh nghiệp phải chi trả?

36



Tỷ giá chính thức

- Tỷ giá chính thức là tỷ giá do ngân hàng Nhà nước công bố. Tỷ giá này mang tính chất tham khảo, định hướng cho thị trường, không phục vụ cho mục đích kinh doanh.

Tỷ giá kinh doanh của NHTM

- Tỷ giá kinh doanh của NHTM là tỷ giá mà NHTM sử dụng để mua bán trên thị trường hối đoái, gồm:
 - Tỷ giá tiền mặt: được áp dụng cho các ngoại tệ mua bán tồn tại dưới dạng giấy bạc ngân hàng, tiền kim loại.
 - Tỷ giá chuyển khoản: áp dụng khi ngoại tệ mua bán tồn tại dưới dạng số dư tài khoản ngân hàng.

Tỷ giá xuất khẩu – tỷ giá nhập khẩu

- Tỷ giá xuất khẩu là tỷ giá phản ánh chi phí bằng đồng nội tệ để thu về một đồng ngoại tệ

$$\text{tỷ giá xuất khẩu} = \frac{\text{Giá vốn hàng xuất khẩu trên sàn tàu}}{\text{Ngoại tệ thu được theo giá FOB cảng xếp hàng}}$$

- Tỷ giá nhập khẩu là tỷ giá phản ánh doanh thu nội tệ thu được khi bỏ ra một đồng ngoại tệ để nhập khẩu hàng hóa.

$$\text{tỷ giá nhập khẩu} = \frac{\text{Giá bán hàng nhập tại cảng dỡ hàng}}{\text{Ngoại tệ chi trả theo giá CIF tại cảng dỡ hàng}}$$

40

Tỷ giá xuất khẩu – tỷ giá nhập khẩu

- Giá FOB - **Free On Board** là giá tại cửa khẩu của bên Xuất (giá này chưa bao gồm chi phí bảo hiểm và vận chuyển hàng hoá tới cảng của bên Nhập)
- Giá CIF chính là tên viết tắt của điều kiện giao hàng, có nghĩa là giao hàng tại cảng dỡ hàng: **C – cost: Tiền hàng; I – insurance: Bảo hiểm; F – freight: Cước phí.**

41

Tỷ giá mở cửa, đóng cửa, thấp nhất, cao nhất

- Tỷ giá mở cửa là tỷ giá được công bố vào đầu giờ của ngày giao dịch.
- Tỷ giá đóng cửa là tỷ giá được công bố vào cuối giờ của ngày giao dịch.
- Tỷ giá thấp nhất là tỷ giá được xác định trên mức tỷ giá mua thấp nhất trong ngày của thị trường hối đoái.
- Tỷ giá cao nhất là tỷ giá được xác định trên mức tỷ giá mua cao nhất trong ngày của thị trường hối đoái.

42

6. Phương pháp tính tỷ giá chéo

- Tỷ giá chéo là tỷ giá của 2 đồng tiền bất kỳ được xác định thông qua đồng tiền thứ 3.
- Ví dụ: Có tỷ giá giữa USD và VND, tỷ giá giữa GBP và VND. Xác định tỷ giá giữa USD và GBP.
- Nguyên tắc tính tỷ giá chéo:

$$\frac{A}{B} = \frac{A}{C} \times \frac{C}{B}$$

43

6. Phương pháp tính tỷ giá chéo

- Muốn xác định tỷ giá của đồng tiền A so với đồng tiền B theo phương pháp tính chéo, người ta lấy tỷ giá của đồng tiền A so với đồng tiền C nhân với tỷ giá của đồng tiền C so với đồng tiền B.
- Ví dụ:
 $\text{GBP/VND} = \text{GBP/USD} \times \text{USD/VND}$
 $\text{CHF/VND} = \text{CHF/USD} \times \text{USD/VND}$

44

BÀI TẬP VẬN DỤNG

Bài 1: Một công ty cần bán cho ngân hàng 100,000 GBP để lấy CHF (mua CHF). Như vậy, ngân hàng sẽ trả cho công ty bao nhiêu CHF?

Cho biết tỷ giá: $\text{GBP/USD} = 1.6810 - 20$
 $\text{USD/CHF} = 1.3250 - 55$

45

Bài 2: Một công ty cần mua 100,000 GBP và trả bằng CHF. Như vậy, ngân hàng sẽ bán GBP với tỷ giá là bao nhiêu?

Cho biết tỷ giá: $GBP/USD = 1.6810 - 20$
 $USD/CHF = 1.3250 - 55$

46

Remember!

LƯU Ý

Khi ngân hàng bán thì ngân hàng sẽ dùng tỷ giá cao.
 Khi ngân hàng mua thì ngân hàng sẽ dùng tỷ giá thấp.
 Do đó, bất lợi sẽ thuộc về khách hàng khi cần mua hay bán.

47

Bài 3: Một công ty Singapore xuất khẩu lô hàng thu được 100,000 CHF, cần bán cho ngân hàng để lấy đồng SGD (mua SGD). Như vậy, ngân hàng sẽ thanh toán cho công ty bao nhiêu SGD?

Cho biết tỷ giá: USD/CHF là $1.3250 - 55$
 USD/SGD là $1.7190 - 95$

48

Bài 4: Một Công ty Singapore sau lô hàng xuất khẩu thu được 100,000CAD cần bán cho ngân hàng để lấy đồng SGD. Như vậy ngân hàng sẽ thanh toán cho công ty bao nhiêu SGD?

Biết: $USD/CAD = 1.2765 - 70$
 $USD/SGD = 1.3236 - 40$

49

Bài 5: Một Công ty Singapore cần mua 100,000CAD để thanh toán cho hợp đồng nhập khẩu. Như vậy Công ty sẽ trả cho Ngân hàng bao nhiêu SGD?

Biết: $USD/CAD = 1.2765 - 70$
 $USD/SGD = 1.3236 - 40$

50

3 TÌNH HUỐNG TÍNH TỶ GIÁ CHÉO

Cả hai đồng tiền cùng biểu hiện tỷ giá gián tiếp

Cả hai đồng tiền cùng biểu hiện tỷ giá trực tiếp

Một đồng tiền biểu hiện tỷ giá trực tiếp, một đồng tiền biểu hiện tỷ giá gián tiếp

51

a. Cả hai đồng tiền cùng biểu hiện tỉ giá gián tiếp

- Tỷ giá giữa hai đồng tiền cùng dựa vào một đồng tiền yết giá C:

$$A / B = (C / B) / (C / A)$$

- $C / A = x - (x+a)$

- $C / B = y - (y+b)$

52

Tỷ giá ngoại tệ A/B

- Tỷ giá mua = $y / (x+a)$
- Tỷ giá bán = $(y+b) / x$

Tỷ giá ngoại tệ B/A

- Tỷ giá mua = $x / (y+b)$
- Tỷ giá bán = $(x+a) / y$

53

VÍ DỤ 1

USD/JPY = 89.24 – 89.27

USD/CHF = 1.0928 – 1.0931

- Tính tỷ giá chéo: JPY / CHF

Tính tỷ giá chéo: CHF / JPY

54

b. Cả hai đồng tiền cùng biểu hiện tỷ giá trực tiếp

• Tỷ giá giữa hai đồng tiền cùng dựa vào đồng tiền định giá C:

$$A / B = (A / C) / (B / C)$$

- $A / C = x - (x+a)$
- $B / C = y - (y+b)$

55

**Tỷ giá ngoại
tệ A/B**

- Tỷ giá mua = $x / (y+b)$
- Tỷ giá bán = $(x+a) / y$

**Tỷ giá ngoại
tệ B/A**

- Tỷ giá mua = $y / (x+a)$
- Tỷ giá bán = $(y+b) / x$

56

VÍ DỤ 2

GBP/USD = 1.5866 – 70 AUD/USD = 0.5650 – 55

Tính tỷ giá chéo : GBP/AUD
Tính tỷ giá chéo : AUD/GBP

57

c. Một đồng tiền biểu hiện tỷ giá trực tiếp, một đồng tiền biểu hiện tỷ giá gián tiếp

• Đồng tiền C là định giá với đồng tiền này, là yết giá với đồng tiền kia: $A/B = (A/C) \times (C/B)$

• $A/C = x - (x+a)$

$C/B = y - (y+b)$

58

**Tỷ giá ngoại tệ
A/B**

- Tỷ giá mua = $x.y$
- Tỷ giá bán = $(x+a).(y+b)$

**Tỷ giá ngoại tệ
B/A**

- Tỷ giá mua = $1/[(x+a).(y+b)]$
- Tỷ giá bán = $1/(x.y)$

59

VÍ DỤ 3

GBP/USD = 1.6305 – 15 USD/CAD = 2.1065 – 75

Tính tỷ giá chéo GBP/CAD

Tính tỷ giá chéo CAD/GBP

60

Bài 6: Cho các tỷ giá sau:

GBP/USD = 1.3880-86 USD/CHF = 0.9420-26
 USD/CAD = 1.2763-70 EUR/USD = 1.2212-18

Yêu cầu: Tính các tỷ giá:

1) GBP/CHF 2) EUR/CAD 3) EUR/GBP
 4) CHF/EUR 5) GBP/CAD 6) CAD/CHF

61

7. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái

The diagram illustrates the factors influencing exchange rates. At the center is a box labeled 'TỶ GIÁ'. Surrounding it are five colored boxes: 'Cán cân thanh toán quốc tế' (top-left, blue), 'Lạm phát' (top-right, teal), 'Lãi suất' (bottom-left, green), 'Một số yếu tố khác' (bottom-right, light green), and 'TỶ GIÁ' (center, grey). Each box contains a small icon representing the concept.

62

Tình hình dư thừa hay thiếu hụt của cán cân thanh toán:

- Nếu cán cân thanh toán thường xuyên thâm hụt (chi > thu), thì dự trữ ngoại tệ của quốc gia giảm, tình hình ngoại tệ căng thẳng, từ đó tạo ra nhu cầu ngoại tệ tăng lên, giá ngoại tệ tăng.
- Nếu cán cân thanh toán thặng dư (thu > chi), dự trữ ngoại tệ tăng, cung ngoại tệ trên thị trường tăng, giá ngoại tệ có khuynh hướng giảm.

63

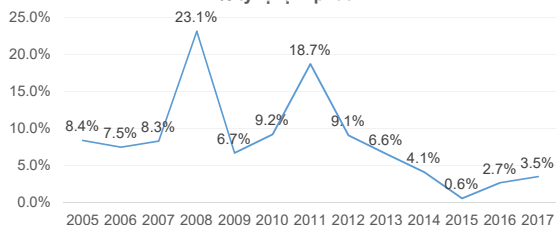
Lạm phát

Lạm phát là sự suy giảm sức mua của tiền tệ và được đo lường bằng chỉ số giá cả chung ngày càng tăng lên.
Theo bảng số liệu mức lạm phát ở Việt Nam:

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Lạm phát	8.4%	7.5%	8.3%	23.1%	6.7%	9.2%	18.7%	9.1%	6.6%	4.1%	0.6%	2.7%	3.5%

64

% tỷ lệ lạm phát



65

❖ **Lý thuyết đồng giá sức mua (Ricardo – Cassel)**
3P (Purchasing Power Parity-Ricardo -1772-1823)

Với giả thiết cước phí vận chuyển, thuế hải quan được giả định bằng không, nếu các hàng hoá đều đồng nhất thì người tiêu dùng sẽ mua hàng ở nước nào mà giá thật sự thấp. Cũng theo giả thiết đó, một kiện hàng X ở Canada giá 150 CAD và cùng kiện hàng X ở Mỹ giá 100 USD thì tỷ giá hối đoái sẽ chuyển đến mức là :

66

USD 150 CAD (Giá cả hàng hóa X tại Canada)
 ----- = ----- = 1.50

CAD 100 USD (Giá cả hàng hóa X tại Mỹ)

Nếu cuối năm lạm phát xảy ra tại các nước này thì tỷ giá sẽ thay đổi, khi đó tỷ giá cuối kỳ:

$$T_{ck} = T_{dk} \frac{(1 + LP_b)}{(1 + LP_a)}$$

- . a là đồng tiền yết giá . b là đồng tiền định giá
- . T_{dk} là tỷ giá đầu kỳ . T_{ck} là tỷ giá cuối kỳ
- . LP_a là lạm phát tại quốc gia đồng tiền a
- . LP_b là lạm phát tại quốc gia đồng tiền b

67

Lãi suất

Thông thường các nhà đầu tư có xu hướng đầu tư vào **đồng tiền có lãi suất cao**, được thể hiện bằng cách khá phổ biến là đi vay đồng tiền có lãi suất thấp chuyển đổi sang đồng tiền có lãi suất cao, sau đó đầu tư đồng tiền lãi suất cao bằng nhiều hình thức nhằm hưởng lợi nhuận do chênh lệch lãi suất của hai đồng tiền. Điều này sẽ tạo nên sự thay đổi cung cầu ngoại tệ trên thị trường, từ đó ảnh hưởng đến tỷ giá.

68

Một số yếu tố khác:

Sự điều chỉnh các chính sách tài chính tiền tệ, các sự kiện kinh tế, xã hội, chiến tranh, thiên tai, sự biến động của các chỉ số thống kê về việc làm- thất nghiệp- tăng trưởng kinh tế. Đặc biệt là các chỉ số và các sự kiện tại Mỹ sẽ ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái trên thị trường thế giới.

Tóm lại : Khi tỷ giá được thả nổi thì nó rất nhạy cảm với những sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội, chiến tranh kể cả các yếu tố tâm lý...

- Thủ tướng Thái Lan Thaksin giải tán Hạ viện tại Thái Lan cuối tháng 2/2006 (24/02/2006) -> THB mất giá
- Âm mưu lật đổ Tổng thống tại Philippines vào tuần cuối tháng 2/năm 2006, tổng thống Agloria Arroyo tuyên bố tình trạng khẩn cấp -> PHP giảm giá
- Sự thay đổi lãi suất của FED - tỷ giá USD thay đổi tăng giảm theo.

69

8. Biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái



Chính sách lãi suất tái chiết khấu

- Là việc nhà nước điều chỉnh lãi suất chiết khấu của ngân hàng TW từ đó tác động đến lãi suất trên thị trường tiền tệ làm thay đổi cung cầu ngoại hối và tỷ giá hối đoái.
- Khi ngân hàng TW tăng lãi suất chiết khấu, lãi suất của các ngân hàng thương mại sẽ tăng, khi đó luồng vốn ngắn hạn trên thế giới có thể đổ vào quốc gia đó tăng làm cầu tiền tệ trong nước và cung ngoại hối tăng tỷ giá hối đoái có xu hướng hạ xuống (đồng tiền trong nước tăng giá tương đối).
- Và ngược lại.

Chính sách lãi suất tái chiết khấu

- Không phải lãi suất là yếu tố duy nhất quyết định sự vận động của luồng vốn giữa các nước tức là nó không phải là nhân tố duy nhất tác động tới cung cầu ngoại hối. Các yếu tố khác:
 - Lạm phát
 - Tình hình chính trị
 - Tăng trưởng kinh tế...
- Chính sách chiết khấu thường được những nước có đồng tiền tự do chuyển đổi (như Mỹ) sử dụng thường xuyên.

Chính sách hối đoái - chính sách thị trường mở (open market policy)

- Nhà nước thông qua ngân hàng trung ương trực tiếp mua bán ngoại hối trên thị trường để tác động vào cung cầu thị trường qua đó điều chỉnh tỷ giá hối đoái.
- Chính sách hối đoái trên thực tế cũng chỉ có tác dụng rất hạn chế vì muốn thực hiện hiệu quả chính sách này, nhà nước phải có nguồn dự trữ ngoại hối dồi dào.

73

Phá giá tiền tệ (Devaluation)

- Phá giá tiền tệ là sự hạ thấp sức mua của tiền tệ của một nước so với ngoại tệ, tức là nâng cao tỷ giá hối đoái của một đơn vị ngoại tệ.
- Mục đích:
 - Khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu, cải thiện tình trạng cán cân thương mại và cán cân thanh toán quốc tế.
 - Khuyến khích du lịch vào trong nước, hạn chế du lịch ra nước ngoài.
 - Khuyến khích luồng vốn vào, hạn chế vốn ra...

74

Nâng giá tiền tệ (Revaluation)

- Nâng giá tiền tệ là sự nâng cao sức mua của tiền tệ của một nước so với ngoại tệ, tức là hạ thấp tỷ giá hối đoái của một đơn vị ngoại tệ.
- Khi nâng giá tiền tệ, ảnh hưởng của nó sẽ hoàn toàn trái ngược với phá giá tiền tệ.
- **Việc nâng giá tiền tệ xảy ra khi:**
 - Đồng tiền nước đó bị định giá quá thấp so với giá trị thực.
 - Dưới sức ép của các nước bạn hàng lớn.
 - Sử dụng trong trường hợp 1 nước muốn tăng NK để cân bằng cán cân thương mại, hạn chế lạm phát, hạn chế việc tăng trưởng quá nóng của nền kinh tế.
 - Thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài.
 - Ngăn ngừa các đồng tiền mất giá chạy vào nước mình.

75

II. THỊ TRƯỜNG HỐI ĐOÁI

1. Khái niệm
2. Đặc điểm
3. Vai trò
4. Phân loại thị trường hối đoái
5. Đối tượng tham gia thị trường hối đoái

76

1. Khái niệm

Thị trường hối đoái là nơi thực hiện việc mua bán các ngoại tệ và phương tiện chi trả có giá trị như ngoại tệ, và giá cả ngoại tệ được xác định trên cơ sở cung cầu.

Là thị trường lớn nhất thế giới: Ước lượng doanh thu hàng ngày của thị trường này là khoảng 2000 tỷ USD. Hiện nay trên thế giới có trên 40 thị trường hối đoái, trong đó có những thị trường hối đoái lớn mang tầm cỡ quốc tế như thị trường London, NewYork, Tokyo hoặc tầm cỡ khu vực như thị trường Paris, Frankfurt, Zurich ở châu Âu hay thị trường HongKong, Singapore ở châu Á.

77

2. Đặc điểm

- Thị trường hoạt động liên tục 24/24 bởi vì do sự chênh lệch múi giờ.
- Thị trường mang tính quốc tế.
- Chịu sự tác động mạnh mẽ của quan hệ cung cầu ngoại hối, trên cơ sở đó tỷ giá được xác định.
- Chỉ giao dịch một số ngoại tệ mạnh như: USD, GBP, EUR, JPY, CAD...
- Sản phẩm phong phú, đa dạng, đặc biệt là sự xuất hiện của các sản phẩm phái sinh: forward, swap, option, future...
- Phương thức giao dịch chủ yếu qua điện thoại, telex, fax, internet...
- Phương thức thanh toán: qua hệ thống ngân hàng toàn cầu.

78

Hình thức

- Hoạt động của thị trường hối đoái theo 2 hình thức: tập trung và phi tập trung.
 - Thị trường phi tập trung: thị trường ngoại hối có tính chất biểu tượng thông qua việc giao dịch ngoại hối thường xuyên giữa một số ngân hàng, người môi giới, không có địa chỉ cụ thể, có thể thông qua các phương tiện thông tin liên lạc (điện thoại, telex, máy vi tính...)
 - Thị trường ngoại hối phần lớn được giao dịch qua thị trường OTC (Over the Counter)
- Thị trường tập trung: thị trường hối đoái có địa điểm nhất định hàng ngày, những người mua bán ngoại hối tới đó để giao dịch và ký kết hợp đồng.
 - Các thành viên của thị trường tập trung này phải là những thành viên đã đăng ký kinh doanh ở thị trường.
- Thị trường có địa điểm nhất định thường ở những trung tâm tài chính lớn (Frankfurt, New York) còn gọi là sở giao dịch hối đoái.

79

3. Vai trò

- Bồi trợ cho hoạt động ngoại thương
- Xác lập giá cả
- Nhận biết các đối tượng tham gia
- Nhận biết mức độ giao dịch đối với từng ngoại tệ
- Giảm thiểu chi phí giao dịch
- Gia tăng hiệu quả cho các công cụ kiểm soát của Chính phủ
- Tuy nhiên, thị trường hối đoái vẫn gây ra những tác động tiêu cực cho nền kinh tế như: khủng hoảng tài chính tiền tệ, khủng hoảng kinh tế...

80

4. Phân loại thị trường hối đoái



81

5. Đối tượng tham gia thị trường hối đoái

- Ngân hàng thương mại (Commercial Bank)
 - Các định chế phi ngân hàng (Non bank institutions)
 - Người môi giới (Broker)
 - Công ty đa quốc gia (Multinational corporation)
 - Các công ty kinh doanh (Coporate business)
 - Các cá nhân (Individual)
 - Ngân hàng trung ương (Central Bank)
- 
- 